

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

TÍN HIỆU THẨM MỸ TRONG TẬP “LỬA THIÊNG” CỦA HUY CẬN LÊ ĐỨC LUẬN* - NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN**

TÓM TẮT: Tín hiệu thẩm mỹ trong tập thơ *Lửa Thiêng* có bốn nhóm tín hiệu là tín hiệu thẩm mỹ “linh hồn”, “lòng”, “mùa xuân” và “mùa thu”. Nghiên cứu hằng thể tín hiệu thẩm mỹ gồm hai khía cạnh lớn là khía cạnh là hằng thể từ vựng và hằng thể kết hợp. Hằng thể kết hợp có hằng thể tín hiệu thẩm mỹ nằm trong ngữ và trong cấu trúc chủ vị.

Dù có những khoảnh khắc vui vẻ, hân hoan trong mùa xuân nhưng nhìn toàn cảnh thì tập thơ *Lửa Thiêng* chủ yếu vẫn gam màu âm ảm, u buồn. Tín hiệu thẩm mỹ trong tập thơ “*Lửa Thiêng*” góp phần làm nên giá trị nghệ thuật, trạng thái tâm hồn của tác giả và giá trị ngữ nghĩa của tập thơ.

TỪ KHOA: Huy Cận; “*Lửa thiêng*”; tín hiệu; thẩm mỹ; hằng thể.

NHẬN BÀI: 02/10/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 23/12/2023

1. Dẫn nhập

Tín hiệu thẩm mỹ (THTM) bắt nguồn từ tín hiệu ngôn ngữ và đã được các nhà ngôn ngữ học nghiên cứu khá nhiều. THTM trong thơ là lĩnh vực nghiên cứu khá phổ biến. THTM tập thơ “*Lửa Thiêng*” (tập thơ đầu tay của Huy Cận) đến nay vẫn chưa được nghiên cứu. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu bốn nhóm tín hiệu là THTM “linh hồn”, “lòng”, “mùa xuân” và “mùa thu”. Nghiên cứu hằng thể THTM bao gồm hai khía cạnh lớn là khía cạnh là hằng thể từ vựng và hằng thể kết hợp. Hằng thể kết hợp có hằng thể THTM nằm trong ngữ và trong cấu trúc chủ vị. Kết quả nghiên cứu cho thấy ý nghĩa thẩm mỹ, giá trị biểu đạt của các tín hiệu ngôn ngữ tiêu biểu; góp phần làm sáng tỏ thêm lý thuyết về THTM.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về tín hiệu thẩm mỹ

THTM bắt nguồn từ tín hiệu ngôn ngữ. THTM có hai cấp độ, cấp độ cái biểu đạt là tín hiệu ngôn ngữ, cấp độ cái được biểu đạt là ý nghĩa thẩm mỹ hàm ý biểu trưng. THTM có nhiều đặc tính nhưng có những đặc tính quan trọng sau: Tính tác động trong bản chất của sự liên tưởng hàm ý và chức năng giao tiếp nghệ thuật; Tính biểu hiện qua thực hiện chức năng phản ánh hiện thực; Tính biểu cảm thể hiện thái độ cảm xúc qua hình ảnh biểu trưng; Tính biểu trưng trong tương quan cái biểu đạt và cái được biểu đạt - cái được biểu đạt; Tính trừu tượng và cụ thể (tính cụ thể là cái biểu đạt và tính trừu tượng là cái biểu trưng); Tính hệ thống: THTM phải đặt trong hệ thống tín hiệu ngôn ngữ và hệ thống liên tưởng biểu trưng; tính cấp độ của THTM: THTM vừa là cấp độ cơ sở, vừa có cấp độ xây dựng, có thể dùng xây dựng nên những THTM mới.

Tín hiệu ngôn ngữ là các đơn vị trong hệ thống ngôn ngữ, tuy nhiên, cấp độ từ là mối quan tâm chính trong ngôn ngữ văn học. Tín hiệu ngôn ngữ ở cấp độ từ phải được xem xét trong cấu trúc và ngữ cảnh phát ngôn thì nó mới có ý nghĩa thẩm mỹ. Cùng một THTM nhưng nằm trong cấu trúc ngôn ngữ và ngữ cảnh khác nhau thì biểu thị ý nghĩa không giống nhau. THTM trong tác phẩm văn học chính là ý nghĩa biểu trưng của từ ngữ. Trong hệ thống ngôn ngữ tiếng Việt, có một bộ phận từ ngữ có ý nghĩa biểu trưng đã được cộng đồng chấp nhận, chẳng hạn, các từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người có khả năng trở thành biểu tượng. Ngôn ngữ văn bản nghệ thuật, từ ngữ hàm ý biểu tượng diễn đạt trong các cấu trúc so sánh. Đây là cơ chế tạo biểu tượng trong ngữ cảnh ngôn ngữ. Cơ chế này thường dùng biện pháp tu từ so sánh trực tiếp và so sánh hàm ẩn.

Hằng thể THTM là các cấu trúc ngôn ngữ chứa đựng các tín hiệu ngôn ngữ được xem xét trong trường từ vựng, trường liên tưởng xét trong dãy các cấu tạo THTM. Một THTM có thể nằm ở trong các thể cấu tạo khác nhau tạo nên một hằng thể. Xét về cấp độ thì hằng thể THTM có hằng thể từ vựng và hằng thể kết hợp. Hằng thể kết hợp tạo nên cấu tạo THTM khác nhau. (Dẫn theo Lê Đức Luận, 2022, tr.93-99).

2.2. Đặc điểm tín hiệu thẩm mỹ trong tập thơ “*Lửa thiêng*” của Huy Cận

2.2.1. Hằng thể tín hiệu thẩm mỹ về “linh hồn”

*PGS.TS; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: leduchuan3@gmail.com

**Trường THCS Trần Quý Cáp, TP.Đà Nẵng; Email: dieuhien240595@gmail.com

2.1.1.1. Hằng thể từ vựng về trạng thái của “linh hồn”

“Linh hồn” là THTM trung tâm. Hằng thể từ vựng là tính từ biểu thị trạng thái đơn côi, buồn đau của “linh hồn”: goá ụa, đơn chiếc, bơ vơ, sầu, buồn: “*Linh hồn tôi goá ụa, Đơn chiếc giữa đau thương*” (Ê chề); “*Hồn đơn chiếc như đảo rời dặm biển*” (Mai Sau). “Goá ụa” thì sẽ dẫn đến “đơn chiếc” mà “đơn chiếc” thì “bơ vơ”: “*Hồn bơ vơ, tôi đi dạo giữa đời*” (Cầu Khôn). Tất cả những điều đó tạo nên “thiên cổ sầu”: “*Một chiếc linh hồn nhỏ, Mang mang thiên cổ sầu*” (Ê chề). Nỗi sầu thiên cổ là nỗi sầu từ cổ xưa, kéo dài đến hiện tại. Hằng thể từ vựng này có tính liên nhân, cái trạng thái này sẽ dẫn đến trạng thái kia.

Hằng thể THTM các tính từ biểu thị tình trạng của “linh hồn”: hồn trong trạng thái “*yên tĩnh*”, “*quạnh quẽ*” (Đi rất êm). Như vậy, linh hồn trong không gian vắng lặng, không có dấu hiệu của sự sống sôi động, trạng thái tinh thần cứ thể lặng lẽ trong sự nhàm chán.

2.1.1.2. Hằng thể kết hợp

a. Cấu trúc ngữ:

Hằng thể kết hợp của THTM biểu thị bản thể của “linh hồn” (Thân thể). Cấu trúc danh ngữ “*cá linh hồn*” (Trình bày) thể hiện một khối hồn. Hằng thể kết hợp của THTM các danh từ biểu thị chủ thể của “linh hồn” như “*hồn tôi*” (Trình bày), “*hồn ta*” (Hồn xa), “*hồn em*” (Ngậm ngùi), trong đó chủ thể hồn tôi chiếm phần lớn.

Hằng thể kết hợp của THTM ngữ động từ biểu thị hoạt động của “linh hồn”: Hồn trong tình trạng bất đầu ngủ “*mới lim dim*”. Đây chính là trạng thái mỗi một, muốn nghỉ ngơi của hồn.

Hằng thể ngữ động từ biểu thị các hoạt động của linh hồn để: trốn tránh bơ vơ, chạy ngủ lang “*Mong trốn tránh bơ vơ*” (Ê chề) thì “*ngủ lang*” cũng là bơ vơ rồi “*chạy ngủ lang, hồn ơi! Có nhớ giấc trần gian*” (Ngủ chung). Hồn “ngủ lang” nghĩa là hồn không có nhà để ở, lang thang phiêu bạt (mà “bơ vơ” thì đương nhiên là “ngủ lang” rồi).

b. Cấu trúc chủ vị:

Hằng thể kết hợp của THTM trong cấu trúc chủ vị biểu thị hành trình lãng du của hồn: “*Linh hồn tôi đã một kiếp đi hoang*” (Trình bày). Có khi hồn “chơi vơi” trong phiêu lãng “*hồn lên tận chơi vơi*” (Trông lên) nhưng vẫn không tìm thấy niềm vui. Thậm chí, khi “hồn” sắp chết xuống cõi “hư vô”, hồn cũng buồn, nghĩa là kiếp sống nơi trần gian hồn đã chết rồi: “*Để cho hồn khi sắp xuống hư vô/ Không lửa ấm, chắc hồn buồn lắm đó.*” (Nhạc sầu). Khi “*hồn sẽ hiểu qua hồn*” (Trình bày) cũng là dạng mình tự thấu hiểu mình và nhận thấy mình đã già: “*hồn tôi đã xế*” (Trình bày) có nghĩa là tuổi đời đã xế, không còn trai trẻ nữa.

Hồn lưu lạc, không xác định được nơi chốn, bị tách khỏi quê hương: “*Hồn lưu lạc chưa hề thờ một chúa*” (Bi ca). Điều đau đớn là “*hồn ly tán*” (Thân thể) thì sẽ “rời rạc” mà rồi “hồn tan”, nghĩa là hồn không còn tồn tại nữa: “*Ta đã để hồn tan trong tiếng thơ*” (Bi ca). Khi nhận ra điều này thì linh hồn không thể không buồn bởi nhận ra mình sắp sửa từ giã trần gian.

2.2.2. Hằng thể tín hiệu thẩm mỹ về “lòng”

2.2.2.1. Hằng thể từ vựng về trạng thái của “lòng”

“Lòng” là THTM trung tâm. Hằng thể từ vựng là tính từ biểu thị tính chất, đặc điểm của “lòng”: non dại, trong trắng, rộng. Khi lòng “*non dại*” (Bi ca) thì lòng còn “*trong trắng lắm*”. Có thể đây là tâm lòng của tuổi trẻ còn trong trắng non dại nhưng rất say mê cuộc đời, mở lòng ra đón điều đến với mình.

Hằng thể từ vựng biểu thị trạng thái buồn, sầu: “*Với lòng buồn xin nhớ gọi xa-xôi...*” (Đi rất êm). Tuy nhiên, “sầu” biểu thị sắc thái mạnh hơn: “*Nắng không xé và lòng sầu mắt hướng*” (Trò chuyện), “*Lòng sầu vạn dặm gió mưa phơi*” (Mưa). “*Lòng rộng không che*” (Buồn đêm mưa).

Hai cấu trúc “*mê say*” và “*say mê*” là đồng nghĩa từ vựng. “*Lòng say mê*” (Trình bày) mức độ “say” nhẹ hơn “*mê say*”: “*Lòng mê say ngay từ thuở mê tình*” (Bi ca).

2.2.2.2. Hằng thể kết hợp

a. Cấu trúc ngữ:

Hằng thể kết hợp của THTM trong ngữ danh từ biểu thị bản thể của “lòng”: “*lòng chàng*” (Mai sau), “*lòng ta*” (Ê chề), “*lòng tôi*” (Trình bày), “*lòng anh*” (Khung tình), “*lòng em*” (Hồn xuân). Khi nói đến “*lòng chàng*”, “*lòng ta*”, “*lòng tôi*”, “*lòng anh*” thì sự tự vấn về bản thân nhiều hơn. Một kiểu lòng bao

quát hơn là “*lòng quê*” (Tràng giang) gắn với nỗi nhớ quê hương, gia đình. Hai tấm lòng trai gái là lòng anh và lòng em kết thành “*đôi lòng*” (Khung tình).

Các cấu trúc ngữ động từ: nhớ bên lòng, chặn nẻo lòng thể hiện tình cảm đôi lứa hướng đến nhau “*nhớ bên lòng*” (Tâm sự). Tuy nhiên không phải khi nào ước nguyện của tấm lòng tuổi trẻ khi đến với nhau thuận lợi mà bị “*chặn nẻo lòng*” (Song song).

b. Cấu trúc chủ vị:

Các cấu trúc có THTM biểu thị tâm trạng của “lòng”: Lòng sầu tủi là “*Lòng chàng vẫn tủi nắng, sầu mưa*” (Mai sau), “*lòng sầu*” (Trò chuyện). “*Lòng thương xót*” (Nhạc sầu), có thể là thương xót thể nhân mà cũng thương xót cho mình vì nhận ra “*lòng tôi đã é*” (Ế chề). “*Lòng é*” là lòng không được trọng dụng, không được quan tâm đến, mình cảm thấy tấm lòng của mình bị thừa thãi.

Các cấu trúc có THTM biểu thị trạng thái của “lòng”: Trạng thái vui sướng, cảm thấy mình tạo nên “*huơng hoa*” cho cuộc đời: “*Lòng giắt sẵn ít huơng hoa*”. Khoảnh khắc vui sướng khi mùa xuân đến “*hoan lạc*”: “*Giữa lòng hoan lạc*” (Chiều xuân). Đó là khi lòng cảm thấy “*mở*” ra hi vọng “*lòng anh mở*” (Ngậm ngùi) như bông hoa “*nở*” “*Người thì đẹp mà lòng ta mới nở*” (Bi ca).

Các trạng thái tích cực của “lòng” khi thấy mình một mối tình đề hướng đến “*Lòng anh một hướng thôi!*” (Khung tình) và rồi “*lòng gặp gỡ*” (Khung tình), “*lòng tôi ghé bến...*” (Cầu khản). Khi “*Lòng nhớ rồi!*” (Đi giữa đường thơm) thì lòng “*tín mộ*” tin tưởng “*Ta cầu khản như một lòng tín mộ*” (Bi ca). Nhưng rồi lòng vẫn thấy “*lạc loài*”: “*Lòng lạc loài ngay từ thuở sơ sinh*” (Trình bày). Thậm chí khi mùa đông đến thì “*Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la...*” (Buồn đêm mưa) mà thực ra chưa hẳn mùa đông đến đã lạnh mà cái lạnh buốt từ trong lòng.

Thế nhưng “lòng tôi bờ ngỡ” trước cuộc đời và nhận ra đừng mơ mộng nữa: “*lòng thôi bắt mộng*” (Chết). Cũng vì thế mà “*lòng biết nguôi*” (Mưa), không tiếp tục hi vọng và chờ đợi điều gì “*Lòng tôi sao chẳng đợi*” (Hồi hận). Khi nhận ra thực thể phũ phàng thì lòng tự nói với lòng: “*Tôi nói lòng ra để tự cười*” (Cách xa) cũng là một cách tự an ủi chính mình.

2.2.3. Hằng thể tín hiệu thẩm mỹ về “mùa xuân”

2.2.3.1. Hằng thể từ vựng

“Mùa xuân” là THTM trung tâm. Hằng thể từ vựng là tính từ biểu thị trạng thái của mùa xuân, đó là những đặc trưng của mùa xuân: non, mướt, xanh, mơn, thơm, mát. Tất cả cây cỏ đều mơn mơn, mới mẻ: “*tơ mơn cỏ*”, “*búp xuân mới nở*” (Chiều xuân). Sự vật thơm ngát, tươi non: “*lá thơm*”, “*lá non*” (Trông lên), “*vườn non*” (Xuân ý). Cuộc đời đều đang trẻ trung “*đời mướt*” (Chiều xuân). Không gian ngập tràn “*hoa nắng*” (Bi ca). Màu xanh là màu đặc trưng của mùa xuân: “*cây xanh cành đẹp*”, “*cây xanh*” (Chiều xuân), “*màu thanh xuân*”. “*Mạch đời*” (Xuân ý), mát lành “*sóng mát tràn xuân*” (Xuân) trong niềm vui “*hân hoan*” (Trông lên). Tác giả muốn mùa xuân cứ thế “*muôn năm*” (Bi ca). Màu sắc tươi sáng, đầy sức sống tràn ngập không gian khi mùa xuân đến. Đây cũng là niềm háo hức của tuổi trẻ khi mùa xuân đến.

2.2.3.2. Hằng thể kết hợp

a. Cấu trúc ngữ:

Các cấu trúc có THTM biểu thị mùa xuân theo thời gian: “*Xuân muôn năm*” (Bi ca), “*xuân cũ*” (Xuân), “*chiều xuân*” (Học sinh). Cấu trúc có THTM biểu thị sản phẩm đẹp nhất của mùa xuân là “*hoa xuân*” (Hồi hận), linh hồn của xuân “*hồn xuân*” (Hồn xuân). Cấu trúc tương ứng với “*hồn xuân*” là “*xuân ý*” (Hoạ điệu).

Cấu trúc có THTM ngữ động từ biểu thị hoạt động đặc trưng của cây trong mùa xuân: “*đâm chồi*”, “*bờ non*” (Chiều xuân), “*nhựa mạnh*”, “*lá mới*”, (Hoạ điệu); “*thân mới*” (Hồn xuân).

b. Cấu trúc chủ vị:

Các cấu trúc có THTM biểu thị tính chất mùa xuân. “*Hoa nắng rải*” (Bi ca) là hình ảnh biểu lộ cảnh đẹp tươi sáng, hoa rải nắng hay nắng rải hoa trong không gian. Mùa xuân đến “*ngành cây mở ngọn*” (Xuân ý), “*xuân nở rộn trăm cành*” (Hồn xuân). Các cấu trúc có THTM biểu thị tính chất non tơ, mạnh mẽ, tươi mới của vạn vật trong mùa xuân: “*bờ non*” (Chiều xuân), “*nhựa mạnh*”, “*lá mới*” (Hoạ điệu), “*thân mới*” (Hồn xuân).

Không gian tràn ngập mùa xuân khắp mọi nẻo: “xuân trái lựu” (Trông lên), “Xuân gọi tràn đầy” (Chiều xuân). Xuân đến, vạn vật và con người bỗng bừng lên sức sống, không còn khô gầy héo hon nữa “Mầu thanh xuân dậy thức người héo hon” (Xuân ý).

Các cấu trúc có THTM biểu thị các hoạt động của con người trong mùa xuân: “Người ta đi hóng xuân”, “đi hái lộc xanh” (Hồn xuân) với tâm thế hân hoan sung sướng “vườn hân hoan” (Hoạ điệu). Cứ vậy, mùa xuân trường tồn: “mùa xuân vẫn chẳng mòn” (Xuân). Thực ra xuân rồi cũng qua nhưng trong tâm thức tác giả xuân vẫn mãi tràn đầy. Tất cả những cấu trúc có THTM đều biểu thị mùa xuân xanh trong, đầy sức sống của con người và vạn vật. Con người hân hoan vui sướng đón chào, tận hưởng mùa xuân đến.

2.2.4. Hằng thể tín hiệu thẩm mĩ về “mùa thu”

2.2.4.1. Hằng thể từ vựng

“Thu” là THTM trung tâm. Hằng thể từ vựng là tính từ biểu thị đặc điểm mùa thu: “Mây bay lững thấp giăng màn âm u.” (Thu rừng), “Nai cao gót lẫn trong mù” (Thu rừng). Thu đến không còn nắng nóng mà “lạnh lùng”: “Chim đi lá rụng, cảnh nghe lạnh lùng” (Thu rừng). Không chỉ lạnh trong không gian mà lạnh trong lòng người. Không gian không còn ồn ào sôi động mà vắng lặng: “Vội cây hiu quạnh, vội lòng quạnh hiu” (Thu rừng). “Quạnh hiu” là cảm giác không gian vắng vẻ, lòng mình thấy cô đơn. Từ đây, lòng người trở nên “buồn bã: “Bỗng dưng buồn bã không gian” (Thu rừng).

2.2.4.2. Hằng thể kết hợp

a. Cấu trúc ngữ:

Các cấu trúc có THTM ngữ tính từ biểu thị mùa thu: “lạnh tràn”: “Lạnh tràn theo gió đầy” (Thu), sâu thu: “Sâu thu lên vút song song” (Thu rừng). Lạnh lẽo, buồn rầu là tâm trạng của tác giả khi mùa thu đến.

b. Cấu trúc chủ vị:

Cấu trúc biểu thị mùa thu vừa đến, thu mới về: “Hôm qua thu mới về” (Thu). Các cấu trúc biểu thị tác động của mùa thu đến vạn vật và không gian. Hoa rơi rụng, cành hoa gãy: “Vội một cành hoa gãy”. Lá cũng rụng: “Chim đi lá rụng” (Thu rừng) và sương rơi nhiều: “Sương nặng gieo đầu tre” (Thu). Mây mang hơi nước đã nặng sà xuống thung lũng: “Mây bay lững thấp giăng màn âm u” (Thu rừng). Mọi vật chìm trong sương mù: “Nai cao gót lẫn trong mù” (Thu rừng). Sắc trời cũng nhạt nhòa, không tươi thắm như mùa hè: “Sắc trời trôi nhạt dưới khe” (Thu rừng). Rừng núi cũng ngây đại trước sự thay đổi của thời gian: “Non xanh ngây cả buồn chiều”. Những điều tươi mới của mùa xuân, rực rỡ ấm áp của mùa hè đều sẽ tàn phai, tiêu điều khi mùa thu đến: “Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia” (Thu rừng).

2.2.5. Sắc thái ý nghĩa về hằng thể tín hiệu thẩm mĩ trong tập “Lửa thiêng”

2.2.5.1. Sắc thái ý nghĩa về hằng thể tín hiệu thẩm mĩ “linh hồn” và “lòng”

Linh hồn và lòng đều là những THTM biểu thị tình cảm, suy tư của tác giả. Cả hai THTM này đều biểu thị tâm trạng buồn, cô đơn của tác giả. Tuy nhiên THTM “linh hồn” thường biểu thị tâm trạng buồn rầu, cô đơn nhiều hơn THTM “lòng”. Trái lại THTM “lòng” biểu thị trạng thái vật thể, cái tôi của tác giả. “Lòng” nghiêng về suy tư, tự phản xét, còn “linh hồn” nghiêng về cảm nhận tâm tư.

THTM “lòng” có đề cập đến say mê, hoan lạc, biểu thị không gian của nó là rộng hẹp, non đại, trong khi đó THTM “linh hồn” lại không đề cập đến không gian. “Lòng” có đi và gặp gỡ, định hướng trong không gian, nhưng “linh hồn” thì phiêu diêu bay bổng mà không có tính định hướng.

2.2.5.2. Sắc thái ý nghĩa về hằng thể THTM “mùa xuân” và “mùa thu”

Mùa xuân và thu đều là những THTM biểu thị trạng thái của tác giả cảm nhận về mùa. Tuy nhiên, đặc trưng khí hậu, thời tiết của hai mùa này khác nhau nên sự cảm nhận của tác giả về mỗi mùa cũng khác nhau. Hằng thể từ vựng biểu thị trạng thái của tác giả về mùa xuân chủ yếu là tích cực. Đó là một mùa mà cây cối xanh tươi đâm chồi nảy lộc, không gian sáng trong, tươi mới. THTM biểu thị mùa xuân xanh trong, đầy sức sống của con người và vạn vật. Tác giả hân hoan vui sướng đón chào, tận hưởng mùa xuân đến.

Trong khi đó mùa thu thì màu sắc âm u, tối tăm, lạnh lẽo, cây cối rụng lá cành, không gian hiu quạnh, lòng người trở nên buồn bã. Sắc trời thu cũng nhạt nhòa, mọi vật sẽ tàn phai, tiêu điều khi mùa thu đến. Đặc trưng mùa có thể tác động đến cảm nhận của tác giả nhưng khi lòng người buồn thì cảnh cũng buồn. Nếu các tác giả trong phong trào Thơ Mới coi mùa thu thay lá là mùa tàn phai, tiêu điều thì Nguyễn Đình Thi trong bài “Đất nước” lại cho mùa thu thay áo mới “Trời thu thay áo mới, Trong biếc nói cười thiết tha!”.

3. Kết luận

THTM tập thơ Lửa Thiêng có bốn nhóm tín hiệu là THTM “linh hồn”, “lòng”, “mùa xuân” và “mùa thu”. Nghiên cứu hằng thể THTM bao gồm hai khía cạnh lớn là khía cạnh là hằng thể từ vựng và hằng thể kết hợp. Hằng thể kết hợp có hằng thể THTM nằm trong ngữ và trong cấu trúc chủ vị.

THTM “Linh hồn” và “lòng” đều biểu thị tâm trạng buồn, cô đơn của tác giả. Tuy nhiên THTM “linh hồn” thường biểu thị tâm trạng buồn rầu, cô đơn nhiều hơn THTM “lòng”. Trái lại THTM “lòng” biểu thị trạng thái vật thể, cái tôi của tác giả. “Lòng” nghiêng về suy tư, tự phản xét còn “linh hồn” nghiêng về cảm nhận tâm tư.

“Mùa xuân” và “thu” đều là những THTM biểu thị trạng thái của tác giả cảm nhận về mùa. Tuy nhiên, hằng thể từ vựng biểu thị trạng thái của tác giả về mùa xuân chủ yếu là tích cực. Đó là một mùa mà cây cối xanh tươi đâm chồi nảy lộc, không gian sáng trong, tươi mới, đầy sức sống của con người và vạn vật. Trong khi đó mùa thu thì màu sắc âm u, tối tăm, lạnh lẽo, cây cối rụng lá cành, không gian hiu quạnh, lòng người trở nên buồn bã.

Dù có những khoảnh khắc vui vẻ, hân hoan trong mùa xuân nhưng toàn cảnh thì tập thơ Lửa Thiêng chủ yếu vẫn gam màu âm ảm, u buồn. Đó chính là tâm trạng của tuổi trẻ nói chung và Huy Cận nói riêng trong hoàn cảnh đất nước bị nô lệ.

THTM tập thơ Lửa Thiêng góp phần làm nên giá trị nghệ thuật, trạng thái tâm hồn của tác giả và giá trị ngữ nghĩa của tập thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. R.Barthes (2002), *Cơ sở của kí hiệu học, Chủ nghĩa cấu trúc và Văn học*, Nxb Văn học, tr.302-360.
2. Huy Cận (1967), *Lửa Thiêng*, Đại học Văn khoa, tái bản, Sài Gòn.
3. Hà Minh Đức (1974), *Thơ và Mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. I.U.M. Lotman (2016), *Kí hiệu học văn hóa*. Người dịch: Lã Nguyên, Đỗ Hải Phong, Trần Đình Sử, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Lê Đức Luận (2019), Tín hiệu thẩm mỹ về tình yêu trong ca dao người Việt, Nxb Dân Trí, tr.1348-1357, in lại trong “Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa, Tập 2”, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.195-206.
7. Lê Đức Luận (2022), *Tín hiệu thẩm mỹ về màu sắc trong thơ Quang Dũng*, Ngôn ngữ và Đời sống, số 8, tr. 93-99, in lại trong “Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa, Tập 2”, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.207-217.
8. Bùi Minh Toán (2013), “Từ tín hiệu ngôn ngữ đến tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương”, Tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống*, số 3 (209).

Tiếng Anh

9. Daniel Chandler (2007), *Semiotics: The Basics* (Second Edition), Routledge, London and New York.

Aesthetical signals in the set "Lửa thiêng/Sacred fire" on Huy Can

Abstract: Aesthetic signals (THTM) in the poem Sacred Fire have four groups of signals: THTM "soul", "heart", "spring" and "autumn". Research on THTM constancy includes two major aspects: lexical constancy and combining constancy. The combining constant has the THTM constant in the phrase and in the subject structure.

Although there are happy and joyful moments in spring, the overall scene of the poem Sacred Fire is mainly gloomy and sad. THTM in the poetry collection Sacred Fire contributes to the artistic value, the author's state of mind, and the semantic value of the poetry collection.

Key words: Huy Can; Sacred Fire; signal; aesthetic; invariant.